

Bản án số: 10 /2019/HS-ST

Ngày: 23-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm - Kiểm sát viên;

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2019/HSST ngày 09 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Thanh T**, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực 5, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh L;
Chỗ ở hiện nay: khu vực 5, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: không;
Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Trần Văn T, sinh năm 1940 (chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1940 (sống);
Vợ: Trần Thị Hương L, sinh năm 1991; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 15/3/2017, bị Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 05/12/2017. Bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 31/10/2018 đến nay, bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Trần Thị Hương L**, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N, sinh năm 1952 (sống) và bà Mai Thị K, sinh năm 1953 (sống); Chồng: Trần Thanh T, sinh năm 1984; Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Tấn D, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp 4, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh L. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp 4, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Mai Thân M, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/7/2018, Trần Thanh T điều khiển xe mô tô hiệu Wave không rõ biển số mượn của bạn tên Th (không rõ nhân thân lai lịch) chở vợ của bị cáo T là Trần Thị Hương L đi ăn ở Chợ C, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh L. Sau đó, bị cáo T chở bị cáo L đi đến ấp 4, xã ĐH, khi đi ngang nhà của ông Mai Thân M, bị cáo T nhìn thấy trong nhà có xe mô tô loại Dream biển số 62F4-9991 của ông Nguyễn Tấn D, đang dựng tại đây không có người trông coi, bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp xe này để bán lấy tiền tiêu xài. bị cáo T chạy xe qua rồi quay xe lại dừng trước nhà ông M. bị cáo T kêu bị cáo L đứng ngoài cảnh giới để bị cáo T đi vào bên trong trộm cắp xe, bị cáo T đi vào nơi để xe mô tô biển số 62F4-9991, thấy trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên bị cáo T đẩy xe ra sân mở công tắc rồi ngồi lên xe đẩy ra đường nổ máy nhưng không được do xe hết xăng. bị cáo T ngồi trên xe mô tô vừa trộm được, bị cáo L điều khiển xe Wave dùng chân phải đạp vào đuôi xe mô tô của bị cáo T đi về hướng chợ chiều thuộc xã ĐH, huyện Đ, tỉnh L. Khi đẩy xe đi được khoảng 200 mét thì dừng lại, bị cáo T kêu bị cáo L qua xe mô tô biển số 62F4-9991 ngồi để bị cáo T qua xe Wave đẩy bị cáo L đi. bị cáo T đẩy xe bị cáo L đi được khoảng 800 mét thì dừng lại nhặt một chai nhựa bên lề đường rồi lấy xăng từ xe Wave đổ qua xe mô tô biển số 62F4-9991 khởi động xe chạy được. bị cáo T kêu bị cáo L chạy xe Wave về nhà trước trả xe lại cho Th, còn bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 62F4-9991 vừa trộm được chạy đến tiệm game bắn cá hiệu Đại Kim Hưng thuộc ấp 5, xã ĐH gặp C (bạn của bị cáo T cùng chơi game, không rõ nhân thân lai lịch). bị cáo T kêu C đem xe mô tô 62F4-9991 bán dùm bị cáo T, C đồng ý và điều khiển xe này đi bán được số tiền 1.500.000đồng. bị cáo T cho C 200.000đồng, bị cáo T chơi game bắn cá hết 1.000.000đồng, còn lại 300.000đồng bị cáo T đưa cho bị cáo L tiêu xài cá nhân hết. Kết quả điều tra không xác định được C bán xe cho ai do không làm việc được với C nên cơ quan điều tra không thu giữ được xe mô tô 62F4-9991 để xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/KL.ĐGTS ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An kết luận xe mô tô loại Dream biển số 62F4-9991 có giá trị thành tiền là 3.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSDH ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L gây ra; căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hương L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Hương L từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 BLHS năm 2015.

Anh Nguyễn Tấn D là chủ sở hữu xe mô tô biển số 62F4-9991 yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị xe với số tiền 3.000.000đồng, các bị cáo bị cáo T, bị cáo L đã bồi thường xong, anh Duy không có yêu cầu gì khác nên không đề cập giải quyết.

Về tang vật: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Đối với một cái áo sơ mi dài tay sọc caro màu đen – trắng – vàng; một cái nón kết màu xanh dương của bị cáo Trần Thanh T. Tại phiên tòa, bị cáo bị cáo T không nhận lại và đề nghị tiêu hủy nên ghi nhận.

- Đối với một cái nón kết màu trắng; một cái áo thun ngắn tay màu đen; một cái quần sọt Jean màu xanh và một cái áo khoác bằng vải thun màu xám là tài sản của Trần Thị Hương L, Tại phiên tòa, bị cáo bị cáo L không nhận lại và đề nghị tiêu hủy nên ghi nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Đánh giá về tố tụng:*

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

- Đối với anh Nguyễn Tấn D là bị hại (đã nhận tiền bồi thường có đơn xin vắng mặt); ông Nguyễn Văn Tấn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị hại tuy vắng nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ, vụ án không có tình tiết mâu thuẫn so với lời nhận tội của bị cáo nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt theo Điều 292 BLTTHS năm 2015.

- Đối với các ông: Võ Văn M, Nguyễn Hoàng P là những người làm chứng vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 BLTTHS năm 2015.

[2].Đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử:

[2.1]. Hành vi khách quan của các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L đã thực hiện: Tại phiên tòa, các bị cáo bị cáo T (Út), bị cáo L thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/7/2018, bị cáo bị cáo T điều khiển xe mô tô hiệu Wave không rõ biển số mượn của Thịnh chở bị cáo L đi ăn tại Chợ Chiều. Khi đi ngang nhà ông Mai Thân M, bị cáo T nhìn thấy xe mô tô biển số 62F4-9991 của ông Nguyễn Tấn D không có người trông coi nên bị cáo T vào lấy trộm đem bán. bị cáo T kêu bị cáo L đứng ngoài cảnh giới còn bị cáo T đi vào bên trong lấy trộm xe mô tô biển số 62F4-9991 đẩy ra ngoài để bị cáo L điều khiển xe Wave đẩy bị cáo T đi. Sau đó, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 62F4-9991 đến tiệm game bắn cá hiệu Đại Kim Hưng gặp C nhờ đem xe mô tô 62F4-9991 bán, C đồng ý và bán xe được số tiền 1.500.000đồng. bị cáo T cho C 200.000đồng, bị cáo T chơi game bắn cá hết 1.000.000đồng, còn lại 300.000đồng bị cáo T đưa cho bị cáo L tiêu xài cá nhân hết.

Xét lời khai nhận của các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại là anh Nguyễn Tấn D; phù hợp lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm, đúng về đặc điểm tài sản bị mất trộm của bị hại là xe mô tô loại Drem biển số 62F4-9991, phù hợp với các chứng cứ khách quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa

và phù hợp nội dung cáo trạng.

[2.2]. Hội đồng xét xử đánh giá: Có căn cứ xác định các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L thống nhất cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Tấn D là xe mô tô biển số 62F4-9991 có giá trị 3.000.000đồng, tội phạm đã hoàn thành. Trên cơ sở đó, HĐXX có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L đã thực hiện thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của anh Nguyễn Tấn D. Khi thực hiện hành vi các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi trái pháp luật các bị cáo cần xử lý nghiêm và cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3].*Đánh giá về tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

- Về tình tiết định khung: Hành vi của các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 là phù hợp.

- Về các tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Trần Thanh T từng có tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích nay tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng theo qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS nên cần có mức án nghiêm khắc hơn.

Bị cáo Trần Thị Hương L không bị áp dụng tình tiết tăng nặng khác theo qui định tại Điều 52 BLHS.

- Về các tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Trần Thanh T thành khẩn khai báo, có ý thức ăn năn, có khắc phục hậu quả xong cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS nên có xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

Bị cáo Trần Thị Hương L thành khẩn khai báo, có ý thức ăn năn; tự nguyện khắc phục hậu quả xong cho bị hại; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo bị cáo L có gia cảnh khó khăn, là lao động duy nhất đang nuôi hai con nhỏ, chồng là bị cáo bị cáo T đang bị tạm giam, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 nên có xem xét giảm nhẹ hình phạt. Do đó, đối với bị cáo bị cáo L HĐXX thấy bị cáo nhất thời phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng nên tuyên cho bị cáo bị cáo L mức án tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời, HĐXX có áp dụng Điều 6 Nghị

quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn Điều 65 BLHS về án treo để xem xét hậu quả của người chấp hành án treo vì phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng khoản 2 Điều 48 BLHS năm 2015.

Anh Nguyễn Tấn D yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô 62F4-9991 với số tiền 3.000.000đồng, các bị cáo đã bồi thường xong và anh Duy không có yêu cầu gì khác nên không đề cập giải quyết.

[5]. *Về tang vật*: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Đối với một cái áo sơ mi dài tay sọc caro màu đen – trắng – vàng; một cái nón kết màu xanh dương của bị cáo Trần Thanh T. Tại phiên tòa, bị cáo bị cáo T không nhận lại và đồng ý tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với một cái nón kết màu trắng; một cái áo thun ngắn tay màu đen; một cái quần sọt Jean màu xanh và một cái áo khoác bằng vải thun màu xám là tài sản của Trần Thị Hương L, Tại phiên tòa, bị cáo bị cáo L không nhận lại và đề nghị tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với ông Nguyễn Văn T là người đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 62F4-999, quá trình điều tra xác định ông T mua xe vào năm 2003 cho anh D sử dụng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Trong vụ án này, ông T không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

Đối với đối tượng tên C là người trực tiếp đem bán xe mô tô biển số 62F4-999 do bị cáo T trộm cắp, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục truy tìm. Nếu sau này bắt được đối tượng C sẽ xử lý sau nên không xử lý trong vụ án này.

[6]. *Về án phí*:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Buộc các bị cáo Trần Thanh T, Trần Thị Hương L phải chịu án phí HSST sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS. Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Trần Thanh T **02** (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2018.

- Về tạm giam: Áp dụng Điều 329 BLTTHS. Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Thanh T 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/01/2019) để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 BLHS. Tuyên bố bị cáo Trần Thị Hương L phạm tội

“*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Trần Thị Hương L **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị Hương L về UBND xã H, huyện Đ, tỉnh L giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Thị Hương L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: “Trong thời gian thử thách, bị cáo Trần Thị Hương L được cho hưởng án treo nhưng cô ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trần Thị Hương L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. *Về tang vật*: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: một cái áo sơ mi dài tay sọc caro màu đen, trắng, vàng; một cái nón kết màu xanh dương; một cái nón kết màu trắng; một cái áo thun ngắn tay màu đen; một cái quần sọt Jean màu xanh và một cái áo khoác bằng vải thun màu xám.

(Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/01/2019).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thanh T và bị cáo Trần Thị Hương L mỗi bị cáo nộp 200.000đồng án phí HSST sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật 30 Luật thi hành án dân sự”.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Minh – Nguyễn Thị Rạt

Nguyễn Khắc Linh Duy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy

Hội Thẩm Nhân Dân

Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Chí Lin – Trương Thị Kim Tiến

Nguyễn Khắc Linh Duy

